

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Hòa Bình đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hòa Bình đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hòa Bình đặt trong trong tổng thể phát triển của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, vùng Thủ đô Hà Nội, trong bối cảnh đất nước hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

2. Huy động cao nhất các nguồn nội lực kết hợp với tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển với tốc độ tăng trưởng nhanh, nâng cao chất lượng tăng trưởng, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm nhanh tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ cả trong GDP và cơ cấu lao động.

3. Gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giảm chênh lệch về phát triển xã hội giữa các khu vực, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

4. Phát triển kinh tế phải kết hợp chặt chẽ với khai thác tài nguyên thiên nhiên hợp lý và bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển bền vững và cảnh quan, môi trường cho phát triển du lịch.

5. Gắn phát triển kinh tế với phát triển hệ thống đô thị và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng.

6. Phát triển kinh tế kết hợp với bảo vệ quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu kinh tế của tỉnh phát triển nhanh, bền vững, trở thành tỉnh có trình độ phát triển ở mức trung bình của cả nước, có mạng lưới kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội từng bước hiện đại, hệ thống đô thị tương đối phát triển, đời sống nhân dân được nâng cao, môi trường được giữ vững, bản sắc văn hóa đặc sắc các dân tộc được bảo tồn và phát huy, quốc phòng, an ninh được bảo đảm.

2. Các chỉ tiêu cụ thể

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng GDP khoảng 13%/năm giai đoạn 2013 - 2015, đạt 12%/năm giai đoạn 2016 - 2020;

Nếu tính giá trị tăng thêm nhà máy thủy điện Hòa Bình, tốc độ tăng GDP khoảng 8,9%/năm giai đoạn 2013 - 2015, đạt 9,6%/năm giai đoạn 2016 - 2020;

- Cơ cấu kinh tế năm 2015: Nông lâm nghiệp, thủy sản: 23,6%; Công nghiệp - xây dựng: 39,7%; Dịch vụ: 36,7%. Cơ cấu kinh tế năm 2020: Nông lâm nghiệp, thủy sản: 16,4%; Công nghiệp - xây dựng: 45,0%; Dịch vụ: 38,6%;

Nếu tính cả nhà máy thủy điện Hòa Bình, cơ cấu kinh tế năm 2015: Nông lâm nghiệp, thủy sản: 19,5%; Công nghiệp - xây dựng: 50,0%; Dịch vụ: 30,5%. Cơ cấu kinh tế năm 2020: Nông lâm nghiệp, thủy sản: 15,8%; Công nghiệp - xây dựng: 46,8%; Dịch vụ: 37,4%;

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 28 - 29 triệu đồng/năm vào năm 2015, năm 2020 khoảng 60 - 61 triệu đồng/năm theo giá thực tế (tính đóng góp của nhà máy thủy điện, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 34 - 35 triệu đồng/năm vào năm 2015 và khoảng 63 - 64 triệu đồng/ năm vào năm 2020);

- Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu

dùng bình quân giai đoạn 2013 - 2015 là 25%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 20%/năm;

- Phân đầu giá trị xuất khẩu đến năm 2015 đạt 100 triệu USD, năm 2020 khoảng 230 triệu USD;

- Tổng thu ngân sách nhà nước đến năm 2015 đạt 2.200 tỷ đồng, năm 2020 khoảng 4.000 tỷ đồng;

- Sản lượng lương thực cây có hạt năm 2015 khoảng 36 vạn tấn, năm 2020 khoảng 37 - 37,5 vạn tấn.

b) Về xã hội:

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn khoảng 0,88% vào năm 2015 và khoảng 0,84% năm 2020. Quy mô dân số năm 2015 là 832,36 nghìn người; năm 2020 khoảng 870,5 nghìn người;

- Tạo việc làm bình quân mỗi năm cho 15 - 20 nghìn lao động giai đoạn 2013 - 2015 và 22 nghìn lao động giai đoạn 2016 - 2020;

- Phân đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 45% đến năm 2015 và đạt 55 - 60% đến năm 2020;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 12% năm 2015 và dưới 4% năm 2020 (theo chuẩn nghèo mới);

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống còn dưới 18% năm 2015 và dưới 12% năm 2020;

- Số hộ dùng điện lưới quốc gia đạt tỷ lệ 97% năm 2015 và 99% năm 2020;

- Số bác sỹ trên 1 vạn dân đạt khoảng 7,57 bác sỹ vào năm 2015 và 8,5 bác sỹ vào năm 2020. Số đơn vị cấp xã có bác sỹ đạt 100% năm 2015.

c) Về môi trường:

- Duy trì độ che phủ rừng ở mức 46%;

- Đến năm 2015 có 80 - 85%, năm 2020 có 100% các cơ sở sản xuất xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường;

- Duy trì 100% thành phố, thị trấn được thu gom rác thải, đến năm 2015 tỷ lệ chất thải rắn được thu gom khoảng 94% và xử lý được 77% chất thải nguy hại; đến năm 2020 có 100% lượng rác thải được thu gom và xử lý;

- Cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho 93% dân số nông thôn vào năm 2015 và cơ bản tất cả dân số được cấp nước hợp vệ sinh năm 2020.

d) Về quốc-phòng - an ninh:

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trong giai đoạn mới;

- Tiếp tục xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ tinh vững chắc đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Nông, lâm, thủy sản

Phát triển nông nghiệp theo hướng xây dựng một nền nông nghiệp thâm canh, chuyên canh cao, phát triển bền vững; nâng cao chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh cho các loại hàng hóa nông sản, sau năm 2015 phát triển một nền nông nghiệp công nghệ cao. Dự kiến giai đoạn 2013 - 2015 tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 4,2%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 3,8%/năm.

Tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nghiên cứu lai tạo giống mới, đồng thời chuyển diện tích trồng một số cây kém hiệu quả, diện tích cây lúa một vụ bắp bên sang trồng các loại cây có giá trị cao hơn, có thị trường tiêu thụ để tăng thu nhập cho nông dân. Mở rộng diện tích trồng mía. Trồng mới cây chè, trong đó chú trọng cây chè tuyết. Đầu tư giống mới cho các loại cây lạc, đậu tương. Phát triển vùng cây ăn quả cho phù hợp với điều kiện của địa phương. Phát triển cây cảnh, các loại cây hoa và cây hương liệu phục vụ đô thị, các khu công nghiệp.

Từng bước hạn chế chăn nuôi tận dụng quy mô nhỏ, phân tán; phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa; phương thức công nghiệp, bán công nghiệp; an toàn dịch bệnh; tập trung cải tạo và nâng cao chất lượng đàn giống; áp dụng quy trình chăn nuôi tiên tiến để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả. Mở rộng mô hình trang trại chăn nuôi vừa và nhỏ.

Thực hiện tốt chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Tăng cường thu hút, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư vào đầu tư trồng rừng nguyên liệu, trồng rừng sinh thái.

Phát triển thủy sản theo hướng đa dạng, tận dụng tối đa tiềm năng mặt nước; áp dụng quy trình công nghệ nuôi tiên tiến để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả. Kết hợp nuôi thả các giống thủy sản truyền thống với các loại thủy sản đặc sản.

2. Công nghiệp, xây dựng

Huy động tối đa các nguồn lực, lợi thế để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng

công nghiệp có hiệu quả, phát triển nền công nghiệp theo hướng hiện đại hóa, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, sử dụng nhiều lao động, công nghệ cao, sản xuất hàng xuất khẩu.

Phát triển công nghiệp nhằm tạo bước đột phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững và tăng thu ngân sách Nhà nước. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm công nghiệp, xây dựng đạt 18%/năm giai đoạn 2013 - 2015 và khoảng 15%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

Tập trung mọi nguồn lực để phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, có lợi thế về tài nguyên (công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông lâm sản), các ngành có lợi thế về lao động, thị trường (liên kết với Thủ đô Hà Nội) như công nghiệp điện tử, may mặc, lắp ráp linh kiện ô tô, xe máy, sản xuất rượu, bia, nước giải khát... và tiến tới là các ngành công nghiệp công nghệ cao. Ngoài ra phát triển các ngành công nghiệp được phẩm, thủy điện nhỏ (đảm bảo yêu cầu về môi trường), tiểu thủ công nghiệp...

Khẩn trương đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho các khu, cụm công nghiệp, xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư cũng như vào sản xuất tại các khu, cụm công nghiệp, tạo môi trường, thuận lợi để các nhà đầu tư tiếp cận và đầu tư trên địa bàn.

Chuẩn bị nguồn nhân lực có trình độ tay nghề phục vụ cho phát triển công nghiệp, thu hút được nhân lực đã được đào tạo có trình độ và chuyên gia giỏi về làm việc và công tác tại tỉnh.

3. Dịch vụ

Phát triển ngành dịch vụ nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, trở thành đòn bẩy để phát triển ngành sản xuất khác.

Nâng dần tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP, bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa khu vực sản xuất và khu vực dịch vụ, góp phần tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động xã hội trên địa bàn tỉnh.

Phát triển ngành dịch vụ tỉnh Hòa Bình tương xứng với tiềm năng và khai thác tối đa lợi thế của các tiểu vùng trong toàn tỉnh. Xác định các loại hình dịch vụ và mặt hàng mà tỉnh có lợi thế cạnh tranh để ưu tiên đầu tư phát triển.

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm dịch vụ giai đoạn 2011 -

2015 là 14,2%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 12,2%/năm.

Hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở kỹ thuật phục vụ thương mại trên địa bàn tỉnh, theo hướng kết hợp giữa phát triển thương mại tại khu vực đô thị với phát triển thị trường nông thôn, phát triển các chợ đầu mối để thu mua sản phẩm của người nông dân, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các siêu thị, trung tâm thương mại tại thành phố Hòa Bình và các trung tâm huyện lỵ, thị trấn... Quy hoạch và nâng cấp hệ thống chợ nông thôn.

Hình thành các cụm thương mại - dịch vụ tại khu vực có vị trí giao lưu thuận lợi, có thể kết nối với các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung hoặc gắn với các khu, cụm công nghiệp. Có cơ chế, chính sách phát triển xuất nhập khẩu, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia vào xuất khẩu mở rộng thị trường.

Xây dựng và phát triển ngành du lịch của tỉnh trở thành một ngành kinh tế quan trọng. Ưu tiên phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái nhằm phát huy các tiềm năng, lợi thế của tỉnh và kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch. Gắn phát triển du lịch với giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các dịch vụ vận tải, tài chính - ngân hàng, y tế, giáo dục, các dịch vụ phục vụ các khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị.

4. Các lĩnh vực xã hội

a) Giáo dục - đào tạo:

- Phát triển giáo dục - đào tạo phải gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tăng số lượng lao động qua đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn tới;

- Củng cố và duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, tiến tới phổ cập bậc trung học;

- Tiếp tục xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia, đến năm 2020 có trên 70% các trường mẫu giáo, 100% số trường tiểu học, trên 70% trường trung học cơ sở, trên 75% trường phổ thông trung học đạt chuẩn quốc gia;

- Tập trung đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị cho các trường học, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường trung học, cao đẳng và các trung tâm đào tạo nghề, khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư vào đào tạo nghề;

- Nâng cao chất lượng, trình độ đội ngũ giáo viên, liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Có chính sách thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi về công tác lâu dài

tại tỉnh.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục - đào tạo.

b) Y tế:

- Phát triển hệ thống y tế tỉnh Hòa Bình từng bước hiện đại, hoàn chỉnh và đồng bộ từ tuyến tỉnh đến y tế cơ sở, phục vụ tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn tỉnh và một số tỉnh lân cận;

- Đến năm 2015 có trên 60% số xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế, 100% số trạm y tế xã có bác sỹ. Đến năm 2020 có 90% số xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế;

- Tiếp tục đầu tư để hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị y tế cho các bệnh viện, đầu tư xây dựng các bệnh viện chuyên khoa. Khuyến khích phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập, xã hội hóa y tế. Nâng cao trình độ tay nghề đội ngũ y, bác sỹ, có chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với cán bộ y tế, nhất là các vùng khó khăn để thu hút bác sỹ về công tác, có chính sách hỗ trợ đào tạo cán bộ y tế người dân tộc vùng sâu, xa. Thực hiện tốt và có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế.

c) Văn hoá - thể thao:

- Bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống dân tộc. Nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội và sinh hoạt của nhân dân. Tăng mức hưởng thụ văn hóa thông tin cho đồng bào các dân tộc ít người. Thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Phân đấu đến năm 2015 giữ vững và duy trì 80% gia đình, 70% làng bản, khu dân cư; đến năm 2020 giữ vững và duy trì 85% gia đình, 75% làng bản, khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Tiếp tục duy trì phong trào toàn dân tập thể dục, tổ chức nhiều hoạt động thể dục - thể thao trên địa bàn tỉnh, tham gia các hoạt động thể thao quy mô lớn. Phân đấu đến năm 2015 có 28% dân số luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, 18% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao, đến năm 2020 có 35% dân số luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, 25% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao;

- Ưu tiên đầu tư cho các thiết chế văn hóa phục vụ cộng đồng như bảo tàng, thư viện, rạp chiếu bóng, tượng đài nghệ thuật, khu vui chơi giải trí. Thực hiện chính sách ưu tiên đối với xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Đầu tư nghiên cứu, sưu tập tinh hoa văn hóa 5 cộng đồng đồng bào các dân tộc thiểu số: Mường, Thái, Tày, Dao, H'Mông. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển các hoạt động văn hóa thông tin;

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động thể dục, thể thao phục vụ các giải đấu chuyên nghiệp tầm cỡ khu vực, quốc gia và quốc tế. Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa cho các hoạt động thể dục, thể thao; phát triển hạ tầng thể thao cấp huyện, cấp xã, phấn đấu 100% các huyện, thành phố có sân vận động cấp huyện.

d) Khoa học - công nghệ:

- Phát triển khoa học - công nghệ thực sự trở thành động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ để đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm;

- Xã hội hóa hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, có chính sách thu hút và khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phát triển khoa học công nghệ;

- Có cơ chế, chính sách thu hút nhân tài tham gia vào nghiên cứu khoa học, đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học trong các đơn vị trên địa bàn tỉnh;

- Đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến, phù hợp trong mọi ngành, mọi lĩnh vực. Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho các cấp, dần từng bước đưa công nghệ thông tin vào phục vụ công việc quản lý, điều hành.

đ) Xóa đói, giảm nghèo:

Khai thác các tiềm năng, huy động tối đa nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội; quản lý, sử dụng và lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân các xã đặc biệt khó khăn, xã CT 229, xã vùng lòng hồ Hòa Bình và xã nghèo trong tỉnh; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, tránh tình trạng tái nghèo; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, ưu đãi về y tế, giáo dục, an sinh xã hội cho các hộ nghèo.

5. Kết cấu hạ tầng

Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội lâu dài, hệ thống hạ tầng phải được hoàn thiện và hiện đại. Tập trung đầu tư cho các vùng, thành phố, thị xã, các vùng động lực, các vùng khác trước mắt thực hiện theo các chương trình hỗ trợ từ Trung ương.

Nâng cấp QL 6 đạt tiêu chuẩn cấp III, riêng đoạn Xuân Mai - Hòa Bình đạt theo quy hoạch cấp II, 4 làn xe; xây dựng đường Hòa Lạc - TP Hòa Bình tiêu chuẩn đường cao tốc từ 4 - 6 làn xe, các tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh và một số tuyến tỉnh lộ đạt tiêu chuẩn cấp III - IV. Mở mới một số tuyến

đường, cầu mới đáp ứng nhu cầu giao thông ở mức thuận tiện nhất.

Đầu tư nâng cấp mạng lưới điện, đảm bảo cung cấp điện thông suốt, phục vụ tốt sản xuất và đời sống nhân dân. Tập trung đầu tư mạng lưới cấp điện cho các khu, cụm công nghiệp, các khu đô thị, khu du lịch... cải tạo, nâng cấp mạng lưới điện nông thôn.

Phổ cập các dịch vụ viễn thông cơ bản, ưu tiên phát triển nhanh các dịch vụ mới, dịch vụ gia tăng giá trị. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại 100% các cơ quan quản lý nhà nước, 100% xã, phường, thị trấn có điểm truy cập internet băng thông rộng.

Nâng cấp, xây dựng mới các công trình thủy lợi. Đảm bảo nguồn nước tưới ổn định cho 92% diện tích cây trồng, thực hiện tốt công tác tiêu lũ và chống úng, năm 2020 về cơ bản 100% dân số được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Xây dựng, nâng cấp các hệ thống thoát nước mưa và nước thải tại thành phố Hoà Bình, Lương Sơn và các đô thị khác trong tỉnh. Xử lý cục bộ nước thải công nghiệp, bệnh viện trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung. Từng bước tách riêng hệ thống thoát nước mưa, nước bản và xây dựng các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị. Chú trọng đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải ở nông thôn nhất là cho các làng nghề, khu vực đông dân cư, khu vực chăn nuôi công nghiệp.

Khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản. Xây dựng và triển khai các chương trình, biện pháp cụ thể nhằm hạn chế các tác động tiêu cực do lũ quét, xói lở, nứt, trượt đất, nhất là các phương án di chuyển nhân dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao. Tăng cường năng lực hệ thống quản lý môi trường ở các cấp. Các dự án đầu tư phải thực hiện nghiêm túc các quy định về đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào vận hành chính thức theo các quy định của pháp luật.

6. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh

Tăng cường tiềm lực an ninh - quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục củng cố hoàn thiện cơ sở vật chất, đầu tư có hiệu quả nguồn vốn đầu tư hạ tầng cho vùng an toàn khu (CT 229). Thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự địa phương, phát động sâu rộng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới. Thực hiện tốt phong trào phòng, chống tội phạm, kiểm chế, giảm dần tai nạn giao thông.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC LÃNH ĐẠO

1. Phát triển theo các tiểu vùng

Tiểu vùng 1 (Tiểu vùng thành phố Hòa Bình - Kỳ Sơn - Lương Sơn - Bắc Lạc Thủy): Là vùng đô thị - công nghiệp, động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tập trung đầu tư phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại, dịch vụ làm đầu tàu kéo các vùng lân cận.

Tiểu vùng 2 (Tiểu vùng phía Đông và Nam tỉnh: các huyện Kim Bôi, Nam Lạc Thủy, Yên Thủy, Lạc Sơn): Xây dựng các khu, cụm công nghiệp dọc tuyến đường Hồ Chí Minh. Quan tâm phát triển nông nghiệp hàng hóa, kết hợp với phát triển công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp, phát triển các làng nghề truyền thống, nghề nông thôn. Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, hình thành các trung tâm thương mại vùng, các thị trấn, thị tứ làm động lực phát triển cho từng khu vực.

Tiểu vùng 3 (Tiểu vùng phía Tây và Tây Bắc gồm: Mai Châu, Đà Bắc, Tân Lạc, Cao Phong): Tập trung phát triển nông lâm nghiệp, nhất là trồng cây đặc sản như mía, cam, chè, trồng rừng, kết hợp với khai thác thủy sản, phát triển du lịch, vận tải thủy, phát triển ngành nghề truyền thống.

2. Phương hướng phát triển hệ thống đô thị

Tập trung đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, nâng cấp và mở rộng một số đô thị hiện có và xây dựng các đô thị mới, khu đô thị mới gắn với các trung tâm thương mại, đầu mối giao thông, phát triển các khu, cụm công nghiệp, đảm bảo quy hoạch có tầm nhìn xa.

Quy hoạch và mở rộng thành phố Hòa Bình trở thành thành phố công nghiệp, du lịch, thương mại đạt tiêu chí của đô thị loại 2. Quy hoạch và chuẩn bị các điều kiện để đưa thị trấn Lương Sơn thành đô thị loại IV vào năm 2020. Nâng cấp một số thị tứ lên đô thị loại V.

3. Phát triển nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn

Tăng cường vốn đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên lĩnh vực giao thông và nông nghiệp, hỗ trợ phát triển các ngành nghề truyền thống, gắn sản xuất nông nghiệp với tiểu thủ công nghiệp, hỗ trợ bảo quản, chế biến, tiêu thụ hàng nông sản thực phẩm. Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ từ Trung ương, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp sang hướng sản xuất hàng hóa, từng bước nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an ninh - quốc phòng.

V. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ (Phụ lục kèm theo).

VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải phát huy động vốn đầu tư

Nhu cầu vốn đầu tư trong giai đoạn 2013 - 2020 cần khoảng 154.110 tỷ đồng (giá thực tế), trong đó giai đoạn 2013 - 2015 là 45.290 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 là 108.820 tỷ đồng.

Để đáp ứng được nhu cầu trên cần phải có các chính sách, biện pháp huy động tối đa các nguồn vốn. Đề xuất Trung ương hỗ trợ đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng lớn, tiếp tục tranh thủ các nguồn tài trợ ODA, NGO, tăng cường các hình thức đầu tư BOT, BTO, BT, PPP để đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ quỹ đất, cải thiện môi trường đầu tư, tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn đầu tư từ nước ngoài, chú trọng thu hút vốn từ các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa - thể thao...

2. Cải cách hành chính và xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh

Đẩy nhanh công cuộc cải cách hành chính một cách triệt để, tạo môi trường thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển, hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Rà soát lại các quy trình thủ tục, bãi bỏ các thủ tục không cần thiết, chồng chéo, rườm rà, sửa đổi lại các thủ tục theo hướng đơn giản, dễ thực hiện, đúng quy định, phù hợp với địa phương.

Nâng cao trình độ, ý thức phục vụ nhân dân của bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước, tăng cường kỷ luật, chống quan liêu, tham nhũng, làm minh bạch và công bằng trong giải quyết các công việc liên quan đến các tổ chức, doanh nghiệp và công dân trên địa bàn tỉnh.

3. Phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục tăng cường đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa để nâng cao trình độ dân trí, nâng cao sức khỏe và tỷ lệ lao động qua đào tạo.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đào tạo, dạy nghề. Tổ chức tốt các hình thức xúc tiến, hỗ trợ và giới thiệu việc làm. Nâng cấp và mở rộng thêm các trường giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề.

Ban hành các chế độ, chính sách thu hút nhân tài và lao động kỹ thuật có tay nghề về làm việc lâu dài tại tỉnh, đẩy nhanh tốc độ đào tạo phù hợp với cơ cấu kinh tế - xã hội của tỉnh, tránh tình trạng dư thừa lao động trái nghề.

4. Phát triển khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

Có các biện pháp gắn phát triển khoa học, công nghệ với sản xuất; ứng dụng nhanh các thành tựu của khoa học - kỹ thuật và tin học vào sản xuất và

các lĩnh vực khác như: quản lý, điều hành; các khâu chế biến nông thủy sản và các ngành công nghiệp chế tác khác. Có các chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư đưa các công nghệ mới, tiên tiến vào sản xuất.

Đẩy mạnh ứng dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, khả năng chịu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh. Có các biện pháp quản lý, khuyến khích các doanh nghiệp, làng nghề đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn, lỏng, khí trước khi thải ra môi trường. Không nhập các thiết bị có công nghệ lạc hậu cũng như thiết bị gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Ban hành các quy chế, áp dụng các biện pháp ngăn ngừa, xử lý các hành vi hủy hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường, nhất là đối với thành phố, thị trấn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung, khu vui chơi giải trí, du lịch, bệnh viện, bến xe...

5. Phối hợp phát triển giữa Hòa Bình với các địa phương trong vùng

Xây dựng và thực hiện các cơ chế phối hợp, hợp tác giữa tỉnh với các Bộ, ngành và các địa phương trong vùng theo hướng rõ lĩnh vực, rõ việc, tạo điều kiện mở rộng thị trường, liên kết sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp.

Phối hợp với các địa phương trong vùng đối với các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; văn hóa - xã hội (liên kết đào tạo đại học, cao đẳng; xây dựng các bệnh viện khu vực đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân các tỉnh trong vùng; đẩy mạnh giao lưu văn hóa, thể thao giữa các dân tộc tạo mối quan hệ, đoàn kết và phát triển của vùng Tây Bắc).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT QUY HOẠCH

1. Sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hòa Bình đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tỉnh cần tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh; đồng thời, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện Quy hoạch.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ tiếp theo.

3. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện rà soát, điều chỉnh Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hòa Bình đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch phát triển ngành (quy hoạch xây dựng, các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm), quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội các huyện, thành phố, các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình căn cứ mục tiêu, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong Quy hoạch, chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thành phố; quy hoạch xây dựng; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, sản phẩm để bảo đảm sự phát triển tổng thể, đồng bộ.

2. Lập các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để đầu tư tập trung, bố trí ưu tiên đầu tư một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh và pháp luật của Nhà nước trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

4. Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch này kịp thời, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, vùng và cả nước trong từng giai đoạn Quy hoạch.

Điều 4. Giao các Bộ, ngành Trung ương liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình nghiên cứu lập các quy hoạch cụ thể; nghiên cứu xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nêu trong Quy hoạch.

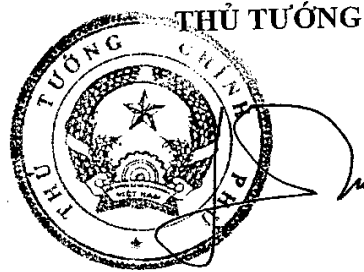
2. Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan đã được dự kiến nêu trong quy hoạch tổng thể đã được phê duyệt. Hỗ trợ tỉnh Hòa Bình trong việc bố trí và huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).N 40



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2013 - 2020 CỦA TỈNH HÒA BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 917/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Các dự án do Trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh

1	Xây dựng đường cao tốc Hòa Lạc - thành phố Hòa Bình
2	Nâng cấp Quốc lộ 6, xây dựng các tuyến tránh thành phố Hòa Bình, thị trấn Lương Sơn
3	Nâng cấp quốc lộ 12B
4	Nâng cấp quốc lộ 15
5	Nâng cấp QL 21B
6	Dự án kè hạ du đập thủy điện Hòa Bình (giai đoạn 2)
7	Xây dựng hồ Trọng (Tân Lạc), hồ Lạng (Yên Thủy), hồ Mòng và hồ Ngành (Lương Sơn), hồ Cạn Thượng (Cao Phong) (DA chuyển tiếp)
8	Xây dựng nâng cấp hồ Thượng Tiến, hồ Song Sếu, hồ Ngọc Lương (nâng cấp)
9	Dự án an toàn hồ chứa giai đoạn II
10	Dự án phân lũ sông Đáy giai đoạn II
11	Xây dựng, nâng cấp hệ thống thủy lợi Cầu Đường, hệ thống thủy lợi Lương Sơn, hệ thống thủy lợi Yên Thủy, hệ thống thủy lợi phía Tây Nam Lạc Sơn (ngoài vùng Cộng Hòa)
12	Đường dây và trạm 110 KV Hòa Bình - Phú Minh (DA chuyển tiếp)
13	Đường dây và trạm 110 KV Hòa Bình - Thanh Nông (DA chuyển tiếp)

II. Các dự án do tỉnh Hòa Bình quản lý

1	Nâng cấp mở rộng đường 433 từ huyện Đà Bắc đi huyện Phù Yên (Sơn La)
2	Nâng cấp đường tỉnh 434
3	Nâng cấp các tuyến đường tỉnh lộ gắn với chương trình phát triển kinh tế, du lịch, quốc phòng, an ninh
4	Nâng cấp các tuyến đường an toàn khu (CT 229), đường 12C
5	Đường nội thị thành phố Hòa Bình, các thị trấn
6	Đường vành đai thị trấn Bo

7	Nâng cấp đường ô tô đến trung tâm các xã theo hướng nhựa hóa, bê tông hóa
8	Nâng cấp kết cấu hạ tầng đô thị thành phố Hòa Bình đạt tiêu chí đô thị loại 2
9	Nâng cấp kết cấu hạ tầng đô thị thị trấn Lương Sơn thành đô thị loại IV
10	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hòa Bình
11	Hệ thống xử lý chất thải thành phố Hòa Bình
12	Xây dựng hạ tầng các khu đô thị mới tại thành phố Hòa Bình
13	Xây dựng hạ tầng các khu đô thị mới tại Lương Sơn
14	Xây dựng 2 cầu qua Sông Đà tại thành phố Hòa Bình
15	Dự án công viên hồ Thịnh Lang, công viên Tuổi trẻ (thành phố Hòa Bình)
16	Cải tạo một số hồ chứa nước thuộc phường Hữu Nghị và phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình
17	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt các thị trấn
18	Dự án trụ sở văn hóa Tỉnh ủy và các Ban thuộc Tỉnh ủy
19	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính tỉnh Hòa Bình (DA chuyển tiếp)
20	Dự án khu trung tâm hành chính - chính trị thành phố Hòa Bình (DA chuyển tiếp)
21	Cấp nước sinh hoạt cho những xã vùng cao, vùng thường xuyên thiếu nước sinh hoạt
22	Chương trình xây dựng nông thôn mới (bao gồm các dự án đầu tư xây dựng thí điểm nông thôn mới)
23	Bố trí dân cư vùng thiên tai, địa bàn khó khăn
24	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trường cao đẳng sư phạm lên đại học
25	Thành lập mới trường đại học tư thục trên địa bàn
26	Nâng cấp trường trung học kinh tế kỹ thuật lên thành cao đẳng
27	Nâng cấp trường trung cấp y lên thành cao đẳng
28	Xây dựng trung tâm dạy nghề các huyện
29	Dự án trường cao đẳng nghề (giai đoạn II)
30	Xây dựng thêm các trường phổ thông dân tộc nội trú
31	Dự án xây dựng nhà ở cho học sinh sinh viên trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề tỉnh Hòa Bình
32	Chương trình kiên cố hóa trường lớp học
33	Dự án nâng cấp dịch vụ y tế công cộng tại tỉnh Hòa Bình (CP Bì tài trợ)

34	Xây dựng các bệnh viện chuyên khoa của tỉnh (bệnh viện nội tiết, bệnh viện phụ sản, bệnh viện lao, bệnh viện y học cổ truyền - giai đoạn 2)
35	Xây dựng nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực
36	Xây dựng và nâng cấp các trung tâm y tế dự phòng huyện, thành phố
37	Xây dựng các trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia
38	Xây dựng công viên bảo tàng tỉnh
39	Xây dựng nhà hát dân tộc tỉnh Hòa Bình
40	Tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa
41	Xây dựng các khu điểm vui chơi giải trí
42	Dự án phát thanh FM và tiếng dân tộc
43	Dự án mua sắm thiết bị truyền hình chuyên dùng
44	Dự án khu liên hiệp thể thao Tây Bắc
45	Sân vận động tỉnh Hòa Bình
46	Nhà thi đấu đa năng tỉnh
47	Khu trung tâm thể thao tỉnh
48	Xây dựng sân vận động , nhà thi đấu tại các huyện thành phố
49	Đầu tư hỗ trợ sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng, ổn định sản xuất, đời sống của nhân dân các xã vùng CT 229
50	Đầu tư hỗ trợ sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng, ổn định sản xuất, đời sống của nhân dân vùng lòng hồ sông Đà

III. Các dự án sản xuất kinh doanh

1	Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật KCN Lương Sơn
2	Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật KCN Yên Quang
3	Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật KCN Nam Lương Sơn
4	Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật KCN Nhuận Trạch
5	Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật KCN Bờ trái Sông Đà
6	Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật KCN Mông Hóa
7	Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật KCN Lạc Thịnh
8	Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật KCN Thanh Hà
9	Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp tại các huyện, thành phố

10	Xây dựng nhà máy chế biến nước hoa quả
11	Xây dựng nhà máy ván băm, ván sợi ép, ván ép buong tre
12	Xây dựng nhà máy xi măng
13	Xây dựng , hoàn thành các dự án đầu tư phát triển thủy điện nhỏ và vừa
14	Xây dựng mới các cơ sở sản xuất hàng điện tử, linh kiện điện tử tại thành phố Hòa Bình, huyện Lương Sơn
15	Xây dựng cơ sở sản xuất đồ điện gia dụng
16	Khôi phục phát triển nghề truyền thống, du nhập các nghề thủ công mới
17	Đầu tư giống mới, thâm canh vùng nguyên liệu mía
18	Đầu tư phát triển chè Tuyết, giống mới chất lượng cao, xây dựng thương hiệu “chè Tuyết Hòa Bình”, đổi mới công nghệ chế biến xuất khẩu
19	Đầu tư phát triển vùng dứa nguyên liệu ở các huyện Lạc Thủy, Yên Thủy, Lạc Sơn, Kim Bôi
20	Xây dựng vùng trồng rau an toàn, trồng hoa ở khu vực thành phố Hòa Bình, huyện Kỳ Sơn, Lương Sơn, Tân Lạc, Cao Phong, Mai Châu...
21	Quy hoạch, phát triển vùng cỏ phục vụ chăn nuôi gia súc tại các huyện Lạc Sơn, Tân Lạc, Cao Phong
22	Quản lý khai thác tốt nguồn thủy sản hồ Hòa Bình và các hồ, đập trong tỉnh
23	Các dự án đầu tư trồng rừng nguyên liệu như: Luồng tre giống mới, các loại keo kết hợp cây bản địa
24	Khai thác mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở những nơi có điều kiện về nguồn nước
25	Chương trình an toàn dịch bệnh, cây trồng vật nuôi
26	Xây dựng vùng sản xuất giống nhân dân
27	Xây dựng hạ tầng cơ sở vùng nuôi trồng thủy sản
28	Xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển làng nghề nông thôn
29	Xây dựng nâng cấp mạng lưới chợ (chợ trung tâm Lương Sơn, trung tâm Kỳ Sơn, chợ nông sản Lương Sơn, Kim Bôi, Lạc Sơn, Tân Lạc, Kỳ Sơn...)
30	Xây dựng khu hội chợ, triển lãm và thương mại tại thành phố Hòa Bình
31	Xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị tại thành phố Hòa Bình, Lương Sơn
32	Xây dựng khu thương mại Bờ Trái (thành phố Hòa Bình)
33	Tăng cường công tác thông tin quảng bá du lịch xây dựng khai thác thương hiệu Hòa Bình
34	Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và hạ tầng du lịch để phát triển

	nhánh khu du lịch hồ Hòa Bình (khu du lịch trọng điểm quốc gia)
35	Du lịch thác Bờ
36	Trung tâm lễ hội Đền Bờ
37	Xây dựng hạ tầng du lịch khu vực thị trấn Kim Bôi, Hạ Bì, Sào Báy
38	Phát triển du lịch vận tải, xếp dỡ đường thủy từ Hòa Bình lên Sơn La
39	Quy hoạch xây dựng cảng Cạn tại thành phố Hòa Bình

** Ghi chú: Vị trí, quy mô diện tích chiếm đất, tổng mức và nguồn vốn đầu tư của các chương trình, các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.*